

Số: 72 /NQ-HĐND

Thành phố Lai Châu, ngày 16 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của HĐND thành phố về giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/8/2022 của HĐND thành phố về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Lai Châu giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023;

Sau khi xem xét Báo cáo số 3186/BC-UBND ngày 05/12/2022 của UBND thành phố Lai Châu; Tờ trình số 3187/TTr-UBND ngày 05/12/2022 của UBND thành phố dự thảo Nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các Đại biểu HĐND thành phố Lai Châu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 với các nội dung sau:

1. Tổng kế hoạch vốn năm 2023 là: 114.964 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý: 30.000 triệu đồng.
- Nguồn vốn ngân sách thành phố quản lý: 83.005 triệu đồng.
- + Vốn sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác: 51.500 triệu đồng.
- + Vốn XDCBTT: 20.766 triệu đồng.
- + Nguồn vốn thực hiện Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung: 10.739 triệu đồng
- Nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: 1.959 triệu đồng

2. Nguyên tắc, phương án phân bổ:

2.1. Nguyên tắc phân bổ

(1) Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2023 xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước; phù hợp với định hướng mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội của năm 2023; kết quả thực hiện dự toán ngân sách của địa phương năm 2022.

(2) Việc phân bổ vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị định, Chỉ thị của Nhà nước; theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và các văn bản pháp luật liên quan.

(3) Phù hợp với khả năng cân đối vốn; bố trí vốn đầu tư tập trung, không đầu tư dàn trải, không để nợ đọng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật liên quan.

(4) Bảo đảm công khai, minh bạch trong phân bổ vốn đầu tư công góp phần tăng cường phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

(5) Việc bố trí vốn năm 2023 (*Nguồn vốn thành phố quản lý*): Dựa trên nhu cầu vốn, khả năng cân đối vốn, tiến độ thực hiện các dự án và phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân trong năm 2023, theo thứ tự ưu tiên phân bổ vốn như sau:

- Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2023.

- Bố trí đủ vốn cho dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023

- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt và quy định về thời gian bố trí vốn.

- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

2.2. Phương án phân bổ:

2.1. Vốn ngân sách tỉnh quản lý: 30.000 triệu đồng.

- Nguồn ngân sách trung ương: 30.000 triệu đồng

+ *Bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023 là 30.000 triệu đồng*

2.2. Nguồn ngân sách thành phố quản lý: 83.005 triệu đồng. Bao gồm:

- Nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác: 51.500 triệu đồng

+ *Bố trí cho 02 dự án hoàn thành năm 2023, kế hoạch vốn là 23.500 triệu đồng*

+ *Bố trí cho 01 dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023, kế hoạch vốn là 28.000 triệu đồng.*

- Nguồn vốn XDCBTT và các nguồn vốn hợp pháp khác: 20.766 triệu đồng

+ *Bố trí cho 01 dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2022, kế hoạch vốn là 672 triệu đồng.*

+ *Bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2023, kế hoạch vốn là 3.798 triệu đồng*

+ *Bố trí cho 03 dự án dự kiến khởi công mới năm 2023: Tổng mức đầu tư 27.300 triệu đồng, kế hoạch vốn 16.296 triệu đồng.*

- Nguồn vốn thực hiện Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung:

+ *Bố trí cho 02 dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023, số tiền 10.739 triệu đồng.*

2.3. Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: 1.959 triệu đồng.

- Vốn thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào thiểu số và miền núi: 1.959 triệu đồng.

+ *Bố trí cho dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 1.959 triệu đồng.*

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân Thành phố giao

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện theo Luật định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố Lai Châu khóa IV, kỳ họp thứ chín, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND Tỉnh;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Các Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND-UBND các xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, TCKH.

CHỦ TỊCH



Giàng Thị Xoa



KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 (NGUỒN VỐN TỈNH QUẢN LÝ)

(Kèm theo Nghị quyết số: 72/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của HĐND thành phố Lai Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Danh mục công trình, dự án | Chức năng nhiệm vụ | Địa điểm | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư | Quyết định đầu tư | | | Dự toán sau đầu thầu, chỉ thầu | Năm 2022 | | Lấy kế khởi công thực hiện đến thời điểm báo cáo | Lấy kế vốn đã bố trí đến hết Kế hoạch năm 2022 | Nhu cầu vốn còn lại sau năm 2022 | | | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | | | Kế hoạch vốn năm 2023 | Chi phí | |
|----|---|--------------------|-------------|-------------------|--------------------------------|--------------------|---------|------|--------------------------------|-------------------|---|--|--|----------------------------------|--------|------|---|---------|------|-----------------------|---------|--|
| | | | | | | Tổng số | Tr đó: | | | Kế hoạch năm 2022 | Giải ngân từ 1/1/2022 đến thời điểm báo cáo | | | Tổng số | Tr đó: | | Tổng số | Tr đó: | | | | |
| | | | | | | Số 1606 03/12/2021 | 100.000 | NSTW | NSDP | 0 | 50.000 | 20.996 | 12.000 | 50.000 | 45.061 | NSTW | NSDP | 100.000 | NSTW | NSDP | 30.000 | |
| A | NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG | | | | | | 100.000 | | | 0 | 50.000 | 20.996 | 12.000 | 50.000 | 45.061 | | | 100.000 | | | 30.000 | |
| | Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023 | | | | | | 100.000 | | | 0 | 50.000 | 20.996 | 12.000 | 50.000 | 45.061 | | | 100.000 | | | 30.000 | |
| 1 | Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu | Ban QLDA | TP Lai Châu | CT HTKT Nhonm B | 2021-2024 | | 100.000 | | | 100.000 | 50.000 | 20.996 | 12.000 | 50.000 | 45.061 | | | 100.000 | | | 30.000 | |

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NGUỒN VỐN CÁN ĐỘI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: **16** /NQ-HĐND ngày **16** tháng 12 năm 2022 của HĐND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Đanh mục công trình, dự án | Chủ đầu tư | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Tổng mức đầu tư được duyệt | | Dự toán sau chi thân | Giải ngân từ kho quỹ công đầu kết kế hoạch năm 2021 | Năm 2022 | | | Lũy kế khối lượng thực hiện đến thời điểm báo cáo | Lũy kế đã bố trí đến hết năm 2022 | Nhu cầu vốn còn lại sau năm 2022 | | Kế hoạch trung hạn giải đoạn 2021-2025 | | Kế hoạch vốn năm 2023 | Chỉ chỉ |
|-----------|---|------------|-------------------|----------------------|-----------------|----------------------------------|---------|----------------------|---|----------------|----------|---------------------------------|---|-----------------------------------|--|---------|--|---------|-----------------------|---------|
| | | | | | | Số OP, ngày, tháng, năm ban hành | Tổng số | | | Trong đó: NSDP | Kế hoạch | Giải ngân đến thời điểm báo cáo | | | Lũy kế thực hiện đến thời điểm báo cáo | Tổng số | Trong đó NSDP | Tổng số | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | 273.239 | 272.696 | 271.860 | 13.930 | 58.738 | 33.726 | 43.427 | 72.668 | 183.292 | 183.292 | 254.350 | 254.350 | 83.005 | |
| | NGUỒN VỐN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ | | | | | | 273.239 | 272.696 | 271.860 | 13.930 | 58.738 | 33.726 | 43.427 | 72.668 | 183.292 | 183.292 | 254.350 | 254.350 | 83.005 | |
| I | Nguồn vốn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác | | | | | | 192.000 | 192.000 | 192.000 | 1.300 | 44.673 | 24.410 | 22.352 | 45.973 | 132.027 | 132.027 | 178.000 | 178.000 | 51.500 | |
| <i>b</i> | <i>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2023</i> | | | | | | 52.000 | 52.000 | 52.000 | 1.300 | 26.355 | 22.499 | 17.352 | 27.655 | 24.345 | 24.345 | 52.000 | 52.000 | 23.500 | |
| 1 | Tuyến đường từ QLAD đến bản Ta Chải - Trung Chải xã Sùng Phái | Ban QLDA | TP. Lai Châu | CT giao thông | 2021-2023 | Số: 1239/02/8/2021 | 38.000 | 38.000 | 38.000 | 1.300 | 17.000 | 15.599 | 9.352 | 18.300 | 19.700 | 19.700 | 38.000 | 38.000 | 19.700 | |
| 2 | Những cấp tuyến đường từ ngã 5 bản Cư nhà La đến khu đất 5 gao với Đại Lộ Lê Lợi | Ban QLDA | TP. Lai Châu | CT giao thông nhóm C | 2022-2024 | Số: 2347/10/12/2021 | 14.000 | 14.000 | 14.000 | - | 9.355 | 6.900 | 8.000 | 9.355 | 4.645 | 4.645 | 14.000 | 14.000 | 3.800 | |
| <i>c</i> | <i>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2023</i> | | | | | | 140.000 | 140.000 | 140.000 | - | 18.318 | 1.911 | 5.000 | 18.318 | 107.682 | 107.682 | 126.000 | 126.000 | 28.000 | |
| 3 | Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới giao với đường số 17 phường Quyết Thắng | Ban QLDA | TP. Lai Châu | CT giao thông nhóm B | 2021-2025 | Số: 234/21/3/2022 | 140.000 | 140.000 | 140.000 | - | 18.318 | 1.911 | 5.000 | 18.318 | 107.682 | 107.682 | 126.000 | 126.000 | 28.000 | |
| II | Nguồn vốn XDCB tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác | | | | | | 58.300 | 58.300 | 58.300 | 12.630 | 11.400 | 9.316 | 21.075 | 24.030 | 32.370 | 32.370 | 53.950 | 53.950 | 20.766 | |
| <i>d</i> | <i>Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2022</i> | | | | | | 12.000 | 12.000 | 12.000 | 5.918 | 4.810 | 4.422 | 11.114 | 10.728 | 1.272 | 1.272 | 9.550 | 9.550 | 672 | |
| 4 | Điểm trường mầm non - tiểu học bản Sùng Phái, xã Sùng Phái | Ban QLDA | X. Sùng Phái | CT DD cấp III | 2021-2022 | Số: 451/27/5/2021 | 12.000 | 12.000 | 12.000 | 5.918 | 4.810 | 4.422 | 11.114 | 10.728 | 1.272 | 1.272 | 9.550 | 9.550 | 672 | |
| <i>b</i> | <i>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2023</i> | | | | | | 19.000 | 19.000 | 19.000 | 6.712 | 6.590 | 4.894 | 9.961 | 13.302 | 3.798 | 3.798 | 17.100 | 17.100 | 3.798 | |
| 6 | Tường Tiểu học - Trung học cơ sở Sùng Phái | Ban QLDA | X. Sùng Phái | CT DD cấp III | 2021-2023 | Số: 2181/15/11/2021 | 19.000 | 19.000 | 19.000 | 6.712 | 6.590 | 4.894 | 9.961 | 13.302 | 3.798 | 3.798 | 17.100 | 17.100 | 3.798 | |
| <i>c</i> | <i>Dự án khởi công mới năm 2023</i> | | | | | | 27.300 | 27.300 | 27.300 | - | - | - | - | - | 27.300 | 27.300 | 27.300 | 27.300 | 16.296 | |
| 7 | Trạm y tế San Thàng | Ban QLDA | X. San Thàng | CT DD cấp III | 2023-2024 | 22/40/24.11.2022 | 6.000 | 6.000 | 6.000 | - | - | - | - | - | 6.000 | 6.000 | 6.000 | 6.000 | 3.596 | |

| STT | Danh mục công trình, dự án | Chủ đầu tư | Địa điểm xây dựng | Nội dung thiết kế | Thời gian KC-HT | Tổng mức đầu tư được duyệt | | | Dự toán sau đấu thầu, chi thầu | Giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2021 | Năm 2022 | | Lấy kế hoạch thực hiện đến thời điểm báo cáo | Lấy kế đã bố trí đến hết năm 2022 | Nhu cầu vốn còn lại sau năm 2022 | | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 | | Kế hoạch vốn năm 2023 | Ghi chú |
|-----|---|---------------|-----------------------------|---|-----------------|----------------------------------|---------|----------------|--------------------------------|--|----------|---------------------------------|--|-----------------------------------|----------------------------------|---------------|--|---------------|-----------------------|---------|
| | | | | | | Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành | Tổng số | Trong đó: NSDP | | | Kế hoạch | Giải ngân đến thời điểm báo cáo | | | Tổng số | Trong đó NSDP | Tổng số | Trong đó NSDP | | |
| 8 | Nhà lớp học và nhà hiệu bộ trường tiểu học Kim Đồng | Ban QLDA | P. Đông Phong | CT DD cấp III | 2023-2025 | 2241/24.11.2022 | 14.000 | 14.000 | 14.000 | | | | | 14.000 | 14.000 | 14.000 | 14.000 | 8.300 | | |
| 9 | Nhà lớp học bộ môn trường THCS Quyết Tiến | Ban QLDA | P. Quyết Tiến | CT DD cấp III | 2023-2024 | 2242/24.11.2022 | 7.300 | 7.300 | 7.300 | | | | | 7.300 | 7.300 | 7.300 | 7.300 | 4.400 | | |
| III | Nguồn vốn Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung | | | | | | 22.939 | 22.396 | 21.560 | - | 2.665 | - | 2.665 | 18.895 | 22.400 | 18.895 | 22.400 | 10.739 | | |
| | Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023 | | | | | | 22.939 | 22.396 | 21.560 | - | 2.665 | - | 2.665 | 18.895 | 22.400 | 18.895 | 22.400 | 10.739 | | |
| 10 | Dự án: Đường giao thông vùng chè xã Sùng Phái, San Thàng | Phòng Kinh Tế | xã Sùng Phái - xã San Thàng | L=13km mặt đường mới đồng vùng sản xuất chè, Đường GTNN cấp C | 2022-2024 | 1456/09/8/2022 | 9.373 | 9.098 | 9.060 | | | | | 1.083 | 9.100 | 7.977 | 9.100 | 4.363 | | |
| 11 | Nâng cấp, sửa chữa hệ thống thủy lợi xã Sùng Phái | Phòng Kinh Tế | xã Sùng Phái | Nâng cấp, sửa chữa 4 đầu mối, 5 tuyến kênh dài khoảng 5,1km | 2022-2024 | 1457/09/8/2022 | 13.566 | 13.298 | 12.500 | | | | | 1.582 | 10.918 | 10.918 | 13.300 | 6.376 | | |

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: **72** **NQ-HĐND** ngày **16** tháng **12** năm **2022** của **HĐND** thành phố Lai Châu)

Biểu mẫu số 03

| TT | Đanh mục công trình, dự án | Chú đầu tư | Địa điểm xây dựng | Mạng lực thiết kế | Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư | Số QĐ đầu tư (ngày, tháng năm ban hành) | Tổng số | Quyết định đầu tư | | | | | | Năm 2022 | | | | | | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Nhu cầu vốn cần lại sau năm 2022 | Kế hoạch vốn năm 2023 | | Ghi chú | | |
|----|---|------------|-------------------|-------------------|--------------------------------|---|---------|-------------------|-------|--------------------|----------|-------|----------------|---------------------------------------|------|----------------|----------|-------|------|--|----------------------------------|-----------------------|---------|---------|---------------------|--|
| | | | | | | | | Trong đó: | | | kế hoạch | | | giải ngân đầu tư đã thẩm định báo cáo | | | Trong đó | | | | | Trong đó | | | | |
| | | | | | | | | NSTW | NSDP | Ngân sách huy động | NSTW | NSDP | Tổng các nguồn | NSTW | NSDP | Tổng các nguồn | NSTW | NSDP | NSTW | | | NSDP | Tổng số | | Trong đó NSTW NS TP | |
| A | NGUỒN VỐN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ | | | | | | 10.500 | 8.118 | 2.382 | | 1.519 | 1.519 | | 307 | 307 | | 8.118 | 8.118 | | 6.599 | 6.599 | | 1.959 | 1.959 | | |
| 1 | CT MTOG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi | | | | | | 10.500 | 8.118 | 2.382 | | 1.519 | 1.519 | | 307 | 307 | | 8.118 | 8.118 | | 6.599 | 6.599 | | 1.959 | 1.959 | | |
| b | Dự án 2: quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * | Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải, xã Sông Phai, thành phố Lai Châu | Ban QLDA | xã Sông Phai | 35 (hà) | 2022-2024 | 140522.72 022 | 10.500 | 8.118 | 2.382 | | 1.519 | 1.519 | | 307 | 307 | | 8.118 | 8.118 | | 6.599 | 6.599 | | 1.959 | 1.959 | | |

